

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2020/DSPT.

Ngày: 10-8-2020.

V/v: “Tranh chấp quyền sở hữu tài
sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại
về tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Tuấn

Bà Võ Thị Hồng Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo - Thư ký TAND tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định: Bà Nguyễn Phạm Tố
Phong - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 10 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét
xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 41/2019/TLPT- DS ngày 04/5/2019
về “Tranh chấp quyền sở hữu tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 25/02/2019 của Tòa án
nhân dân huyện V, tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 14/2018/QĐ-PT ngày 14
tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1970

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thanh H: Ông Tống Văn V,
sinh năm 1970, có mặt

Cùng cư trú tại: Thôn T, xã C, huyện V, Bình Định

- Bị đơn: Ông Mai Hồng Q, sinh năm 1968, có mặt

Cư trú tại: Làng S, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Mai Hồng Q: Ông Võ Hồng N-
Luật sư của Văn phòng Luật sư N – Đoàn Luật sư tỉnh Bình Định, có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Tống Văn V, sinh năm 1970, có mặt

Cư trú tại: Thôn T, xã C, huyện V, Bình Định

2. Ông Bùi Tấn V, sinh năm 1989, có mặt

3. Bà Trần Thị N, sinh năm 1954

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị N: Ông Bùi Tấn V, có mặt

Cùng cư trú tại: Thôn T, xã C, huyện V, Bình Định

4. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974, có mặt

5. Ông Đỗ Ngọc H, sinh năm 1969

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Ngọc H: Bà Nguyễn Thị T, có mặt

Cùng cư trú tại: Thôn T, xã C, huyện V, Bình Định

6. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1968, có mặt

7. Bà Ngô Thị V, sinh năm 1970

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị V: Ông Nguyễn Văn H, có mặt

Cùng cư trú tại: Thôn T, xã C, huyện V, Bình Định

8. Bà Mai Thị B, sinh năm 1970

Người đại diện theo ủy quyền của bà Mai Thị B: Ông Mai Hồng Q, có mặt

Cùng cư trú tại: Làng S, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định

Người kháng cáo: Bị đơn ông Mai Hồng Q, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/01/2015 và các lời khai tiếp theo, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Tống Văn V (ông V đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày:

Tháng 8/2008, Ủy ban nhân dân xã C, huyện V quy hoạch vùng đất rừng PISICO để lấy đất cấp cho hộ nghèo sản xuất. Gia đình ông Tống Văn V và bà Nguyễn Thị Thanh H được UBND huyện V cấp diện tích 10.369,5m² đất rừng sản xuất thuộc thửa đất số 36, tờ bản đồ số 17, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL151592 ngày 09/12/2009. Sau khi được cấp đất, ông V phải đi thi hành án tại Trại

giam K nên bà H cùng con gái là chị C trồng keo trên diện tích được cấp. Trong quá trình trồng keo do không rõ ranh giới nên ngoài việc trồng keo trên diện tích được cấp, bà H và chị C còn trồng nhầm trên đất của các hộ như trồng 500 cây keo trên diện tích đất 3.181m² của anh Bùi Tấn V và 18 cây keo trên 326m² đất của hộ anh Nguyễn Văn H, chị Ngô Thị V sau khi bị đốt cháy còn lại. Đến năm 2014, ông V và bà H tiến hành khai thác số cây keo do bà H và con gái trồng thì anh Mai Hồng Q đến cản trở không cho khai thác keo trên diện tích đất của ông là 1.836m², keo trên đất của anh V là 3.181m² và keo trên đất hộ anh H, chị V là 326m². Ông V và bà H đã báo cáo xã C giải quyết nhưng không thành. Nay, ông V với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu giải quyết buộc ông Mai Hồng Q phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sở hữu tài sản và công nhận số cây keo trồng trên 1.836m² đất của hộ nhà ông, số cây keo trồng trên 3.181m² đất của anh V nhận chuyển nhượng của chị Nguyễn Thị T, anh Đỗ Ngọc H và 18 cây keo còn lại trồng trên 326m² đất của anh Nguyễn Văn H, chị Ngô Thị V là của vợ chồng ông. Sau khi khai thác cây keo xong thì ông và bà H trả lại đất trên cho các hộ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/01/2015, các lời khai tiếp theo và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Mai Hồng Q trình bày:

Năm 1998, hộ anh được Nhà nước cấp 19.376m² đất trong đó có đất lâm nghiệp. Sau khi được giao đất, hàng năm gia đình anh có khai hoang thêm một số đất xung quanh diện tích đất được giao để trồng mì, lúa. Tháng 8/2008, anh mua 4.500 cây keo giống của một người dân ở thôn 4, xã C và thuê các công như anh V, anh N, anh C, anh M, anh T, anh B, chị R và chị M cùng vợ chồng anh trồng keo trên diện tích đất đó. Năm 2009, hộ ông V, bà H mới trồng cây keo gần với đất của anh. Nhưng vào khoảng tháng 2/2014, ông V, bà H tự ý vào khai thác số keo do anh trồng nên anh đã cản trở không cho khai thác. Nay bà H, ông V yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận số cây keo trồng trên diện tích 1.836m² đất của hộ ông V, số cây keo trồng trên 3.181m² đất của anh V và 18 cây keo còn lại trồng trên 326m² đất của anh Nguyễn Văn H, chị Ngô Thị V là của ông V, bà H thì anh không chấp nhận. Vì toàn bộ số cây keo đang tranh chấp là do anh trồng nên anh yêu cầu được khai thác số cây keo trên, sau khi khai thác xong anh sẽ trả lại đất cho các hộ. Ngoài ra, anh Q không chấp nhận yêu cầu của anh Bùi Tấn V yêu cầu anh phải bồi thường thiệt hại số tiền 25.959.000đ vì anh không cản trở hay gây thiệt hại gì trên đất của anh V.

Biên bản lấy lời khai ngày 29/01/2015; Đơn yêu cầu độc lập ngày 30/8/2018, các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập anh Bùi Tấn V (anh V đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N) trình bày:

Năm 2008, anh có nhận chuyển nhượng của hộ ông Đỗ Ngọc H, bà Nguyễn Thị T toàn bộ diện tích 9.617,5m² đất có cây keo với số tiền là 20.000.000đ nhưng đến năm 2011 các bên mới làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng chưa được UBND xã chứng thực. Sau khi nhận chuyển nhượng bà T có dẫn anh V đến diện tích đất để chỉ ranh giới và giao đất cụ thể. Trong quá trình sử dụng đất, anh V và mẹ anh là bà Trần Thị N phát hiện bà H đã trồng nhầm khoảng 500 cây keo sang đất mà anh đã nhận chuyển nhượng của hộ ông H, bà T với diện tích 3.181m². Sau khi phát hiện thì ngày 22/10/2008, anh V, bà N và bà H đã viết Giấy thương lượng “..bà N và anh V cho bà H được giữ lại số cây keo đã trồng nhầm đó đến tháng 02/2014 thì bà H phải khai thác keo để trả lại đất cho anh V, bà N và với điều kiện bà H phải hoàn lại cho anh V số tiền 1.500.000đ cộng với 5 công làm...”. Đến tháng 2/2014, bà H và ông V vào khai thác số cây keo trồng nhầm trên đất của anh V thì anh Q đến cản trở không cho khai thác. Việc anh Q cản trở không cho ông V, bà H vào khai thác cây keo nên số cây keo đó vẫn còn nguyên cho đến nay nên đã gây thiệt hại cho anh mất thu hoạch một mùa keo. Do đó, anh V có đơn yêu cầu độc lập buộc anh Q phải bồi thường cho anh số tiền của một mùa keo là 25.959.000đ.

Tại bản tự khai ngày 09/02/2015; Đơn yêu cầu độc lập ngày 30/8/2018, các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Ngọc H trình bày:

Năm 2008, hộ gia đình bà được UBND xã C chia đất lâm nghiệp để trồng rừng. Lúc xã chia đất thì chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 09/12/2009 thì hộ gia đình bà mới được UBND huyện V giao quyền quản lý, sử dụng 9.617,5m² đất rừng sản xuất thuộc thửa đất số 35, tờ bản đồ số 17, Giấy chứng nhận QSDĐ số AL 151519, tọa lạc tại Thôn T, xã C, huyện V, Bình Định. Sau khi được giao đất, bà T tiến hành phát dọn và trồng cây keo. Đến năm 2011, do gia đình bà khó khăn nên bà đã chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích đất được cấp có cây keo khoảng 1 năm rưỡi cho anh Bùi Tấn V với số tiền 20.000.000đ (có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo đúng diện tích ghi trong

giấy CNQSDĐ là 9.617,5m²), nhưng thực tế diện tích đất bà T chuyển nhượng cho anh V không đủ so với giấy chứng nhận QSDĐ mà Nhà nước cấp vì lúc đó đất của bà bị anh Q trồng keo lấn chiếm nhưng bà không đòi lại được. Bà T có nói bằng miệng với bà N, anh V là đất bà chuyển nhượng bị thiếu so với Giấy CNQSDĐ nhưng bà không chỉ cho anh V, bà N là anh Q lấn đất chỗ nào và diện tích là bao nhiêu. Bà N cũng không hỏi anh Q lấn đất đến đâu, nhưng bà T có chỉ ranh giới đất trồng cây keo của bà cho bà N, anh V. Bà T không chuyển nhượng phần đất mà anh Q lấn chiếm trồng keo mà chỉ chuyển nhượng phần đất còn lại cho anh V nên bà yêu cầu anh Q phải khai thác số cây keo trồng trên diện tích đất mà anh Q lấn chiếm mà hiện nay đang tranh chấp để bà lấy lại đất sản xuất.

Tại bản tự khai ngày 19/3/2015; Đơn yêu cầu độc lập ngày 30/8/2018, các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Nguyễn Văn Hg và bà Ngô Thị V trình bày:

Ngày 09/12/2008, hộ gia đình ông, bà được UBND huyện V giao quyền quản lý, sử dụng diện tích 6.725,5m² đất rừng sản xuất thuộc thửa đất số 9, tờ bản đồ số 17, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 151572 tọa lạc tại Thôn T, xã C, huyện V, Bình Định. Nhưng trong quá trình sử dụng, ông H, bà V không biết đất của ông, bà bị thiếu so với diện tích đất được cấp, cho đến khi hộ ông V, bà H xảy ra tranh chấp với anh Q. Tòa án thụ lý, giải quyết thì ông, bà mới biết đất của ông, bà bị thiếu 362m². Do đó, ngày 30/3/2015, ông H, bà V có đơn yêu cầu độc lập buộc ông V, bà H khai thác toàn bộ số cây keo để trả lại đủ 326m² đất cho ông, bà. Nhưng sau đó ông H, bà V rút yêu cầu độc lập chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết ai là người sở hữu 18 cây keo trồng còn lại trên đất của ông, bà thì người đó có nghĩa vụ khai thác cây keo và trả lại đất cho hộ ông, bà.

Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 25/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bình Định đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 165, Khoản 1 Điều 166, Điều 201, Điểm a khoản 2 Điều 217, Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 129, 158, 169, 221 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 18, khoản 4, 6 Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận quyền sở hữu 294 cây keo khoảng 09 năm tuổi trồng trên diện tích 1.836m² đất thuộc thửa đất số 36, tờ bản đồ số 17, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AL 151592 ngày 09/12/2009 cấp cho hộ ông V, bà H, tọa lạc tại thôn T, xã C, huyện V, Bình Định có giới cận: Đông giáp đất rừng sản xuất của hộ ông Tống Văn V, bà Nguyễn Thị Thanh H; Tây giáp đất rừng sản xuất; Nam giáp đất rừng sản xuất của hộ ông Đỗ Ngọc H, bà Nguyễn Thị T; Bắc giáp đất rừng sản xuất của anh Bùi Tấn V, bà Trần Thị N nhận chuyển nhượng của ông H, bà T là của ông Tống Văn V, bà Nguyễn Thị Thanh H.

2. Công nhận quyền sở hữu 18 cây keo khoảng 09 năm tuổi trồng trên diện tích 326m² đất thuộc thửa đất số 9, tờ bản đồ số 17, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AL 151572 ngày 09/12/2009 cấp cho hộ ông H, bà V, tọa lạc tại thôn T, xã C, huyện V, Bình Định có giới cận: Đông, Tây, Nam, đều giáp đất rừng sản xuất của hộ ông H, bà V; Bắc giáp đất rừng sản xuất của hộ ông Tống Văn V, bà Nguyễn Thị Thanh H là của hộ ông Tống Văn V, bà Nguyễn Thị Thanh H. Sau khi án có hiệu lực pháp luật, ông V, bà H phải khai thác số cây keo trên để trả lại 326m² đất cho hộ ông H, bà V.

3. Ghi nhận sự thỏa thuận của hộ bà Trần Thị N, anh Bùi Tấn V đồng ý cho vợ chồng ông V, bà H khai thác 509 cây keo đã trồng trên diện tích 3.181m² đất của anh V đã nhận chuyển nhượng của hộ ông H, bà T thuộc thửa đất số 35, tờ bản đồ số 17, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AL 151592 ngày 09/12/2009. Sau khi án có hiệu lực pháp luật, ông V, bà H phải khai thác số cây keo trên để trả lại đất cho hộ ông bà N, anh V.

4. Buộc ông Mai Hồng Q phải chấm dứt hành vi cản trở pháp luật đối với quyền sở hữu tài sản của ông V, bà H, đồng thời phải bồi thường thiệt hại 54 cây keo khoảng 09 năm tuổi cho hộ ông Tống Văn V, bà Nguyễn Thị Thanh H với số tiền 3.989.000đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí định giá tài sản; Quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/3/2019, bị đơn ông Mai Hồng Q kháng cáo bản án sơ thẩm không đồng ý cho ông Võ, bà H được khai thác số cây keo mà ông yêu cầu được khai thác số cây keo trên và sẽ trả lại đất cho các hộ dân.

Ngày 06/3/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T kháng cáo bản án sơ thẩm không chấp nhận diện tích 3.181m² đất và 509 cây keo trên

đất là của ông V, bà N mà diện tích này bà chưa chuyển nhượng cho ông V, bà N vì bị ông Q lấn chiếm trồng keo trước đó.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng khác cũng như các bên đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo hợp lệ, thủ tục kháng cáo đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Mai Hồng Q và bà Nguyễn Thị T. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn ông Mai Hồng Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trong hạn luật định, hình thức và nội dung đơn đúng quy định, ông Q, bà T đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ.

[2] Tại phiên tòa, ông Q, bà T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

[2.1] Xét kháng cáo của bị đơn ông Mai Hồng Q không đồng ý cho ông Tống Văn V, bà Nguyễn Thị Thanh H khai thác số cây keo đang tranh chấp mà ông yêu cầu được khai thác số cây keo trên và sẽ trả lại đất cho các hộ dân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Số cây keo do hộ bà H, ông V tranh chấp với anh Q gồm: 294 cây keo được trồng trên diện tích 1.836m² thuộc một phần thửa đất số 36, tờ bản đồ số 17, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 151592 cấp cho hộ ông Tống Văn V, bà Nguyễn Thị Thanh H và 18 cây keo được trồng trên diện tích 326m² đất thuộc một phần của thửa đất số 9 tờ bản đồ số 17, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 151572 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn H, bà Ngô Thị V. Đối với 509 cây keo được trồng trên diện tích 3.181m² thuộc một phần thửa đất số 35, tờ bản đồ số 17, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 151519 cấp cho hộ ông Đỗ Ngọc H, bà Nguyễn Thị T mà sau này ông H, bà T chuyển nhượng cho bà Trần Thị N và anh Bùi Tấn V. Các thửa đất trên có nguồn gốc là đất rừng sản xuất của Công ty P được UBND tỉnh Bình Định thu hồi giao cho UBND xã C cấp cho các hộ dân. Việc anh Q cho rằng đất này do gia đình anh khai hoang hoang và trồng cây keo trước đó là không có cơ sở.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh Q cung cấp là khác thửa và vị trí đang tranh chấp với các hộ, do đó việc anh Q cho rằng nguồn gốc đất có cây keo đang tranh chấp là do ông, bà, cha, mẹ anh để lại cho anh sản xuất là không có căn cứ. Mặt khác, đối với thửa đất số 35, tờ bản đồ số 17, diện tích 9.617,5m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 151519 cấp cho hộ ông Đỗ Ngọc H, bà Nguyễn Thị T, khi bà T, ông H chuyển nhượng cho anh V, bà N có cây keo trồng trên đất, do đó tài sản trên đất thuộc quyền sở hữu của bà N, anh V. Việc bà N, anh V có thỏa thuận cho hộ bà H khai thác 509 cây keo trên đất của bà N, anh V là thỏa thuận hợp pháp. Nên không có chứng cứ để chấp nhận kháng cáo của anh Mai Hồng Q yêu cầu được khai thác số cây keo trên.

[2.2] Đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T không chấp nhận diện tích 3.181m² đất và 509 cây keo trên đất là của ông V, bà N mà diện tích này bà chưa chuyển nhượng cho ông V, bà N vì bị ông Q lấn chiếm trồng keo trước đó. HĐXX xét thấy: Sau khi được UBND cấp thửa đất số 35, tờ bản đồ số 17, Giấy chứng nhận QSDĐ số AL 151519, tọa lạc tại thôn T, xã C, huyện V, Bình Định, hộ bà T tiến hành phát dọn và trồng cây keo. Đến năm 2011, do gia đình bà khó khăn nên bà đã chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích đất được cấp có cây keo khoảng 1 năm rưỡi cho anh Bùi Tấn V với số tiền 20.000.000đ (có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo đúng diện tích ghi trong giấy CNQSDĐ là 9.617,5m²). Tuy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng bà với bà N, anh V chưa được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật nhưng hai bên đã thực hiện 2/3 nghĩa vụ của hợp đồng và từ khi chuyển nhượng đến khi xảy ra tranh chấp giữa hộ ông Q với hộ bà H thì giữa hộ bà T với anh V không có ý kiến hay tranh chấp gì về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của thửa đất số 35, tờ bản đồ số 17. Do đó kháng cáo của bà T cho rằng không chuyển nhượng diện tích 3.181m² đất và 509 cây keo trên đất cho ông V, bà N là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Từ những phân tích nói trên, HĐXX xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Mai Hồng Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Về chi phí tố tụng khác:

- Chi phí định giá tại cấp sơ thẩm: Ông Mai Hồng Q phải chịu 3.000.000đ chi phí định giá, ông Q đã nộp xong; Bà Nguyễn Thị Thanh H, ông Tống Văn V phải chịu 1.500.000đ nên bà H, ông V và phải hoàn lại cho ông Q 1.500.000đ.

- Do không chấp nhận kháng cáo của bà T nên bà T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm là 8.500.000đ, bà T đã nộp đủ.

[5] Về án phí:

[5.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Mai Hồng Q phải chịu 1.138.000đ
- Bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Tống Văn V phải chịu 1.856.000đ nhưng được trừ 1.375.500đ đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm.
- Anh Bùi Tấn V phải chịu 1.298.000đ nhưng được trừ 649.000đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm.
- Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H 100.000đ tạm ứng án phí.

[5.2] Án phí dân sự phúc thẩm:

Kháng cáo của anh Mai Hồng Q và bà Nguyễn Thị T không được chấp nhận nên ông Q, bà T mỗi người phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông Q, bà T đã nộp.

[6] Phát biểu của đại diện VKSND tỉnh Bình Định tại phiên tòa về việc tuân thủ theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 165, Khoản 1 Điều 166, Điều 201, Điểm a khoản 2 Điều 217, Điều 144, Điều 147, 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 129, 158, 169, 221 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009; khoản 3 Điều 18, khoản 4, 6 Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 27; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Mai Hồng Q và bà Nguyễn Thị T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 25/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện V.

2. Công nhận quyền sở hữu 294 cây keo khoảng 09 năm tuổi trồng trên diện tích đất 1.836m² thuộc thửa đất số 36, tờ bản đồ số 17, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AL 151592 ngày 09/12/2009 cấp cho hộ ông V, bà H, tọa lạc tại thôn T, xã C, huyện V, Bình Định có giới cận: Đông giáp đất rừng sản xuất của hộ ông Tống Văn V, bà Nguyễn Thị Thanh H; Tây giáp đất rừng sản xuất; Nam giáp đất rừng sản

xuất của hộ ông Nguyễn Văn H, bà Ngô Thị V; Bắc giáp đất rừng sản xuất của anh Bùi Tấn V, bà Trần Thị N nhận chuyển nhượng của ông H, bà T là của ông Tống Văn V, bà Nguyễn Thị Thanh H.

3. Công nhận quyền sở hữu 18 cây keo khoảng 09 năm tuổi trồng trên diện tích 326m² đất thuộc thửa đất số 9, tờ bản đồ số 17, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AL 151572 ngày 09/12/2009 cấp cho hộ ông H, bà V, tọa lạc tại thôn T, xã C, huyện V, Bình Định có giới cận: Đông, Tây, Nam, đều giáp đất rừng sản xuất của hộ ông H, bà V; Bắc giáp đất rừng sản xuất của hộ ông Tống Văn V, bà Nguyễn Thị Thanh H là của hộ ông Tống Văn V, bà Nguyễn Thị Thanh H. Sau khi án có hiệu lực pháp luật, ông V, bà H phải khai thác số cây keo trên để trả lại 326m² đất cho hộ ông H, bà V.

4. Ghi nhận sự thỏa thuận của hộ bà Trần Thị N, anh Bùi Tấn V đồng ý cho vợ chồng ông V, bà H khai thác 509 cây keo đã trồng trên diện tích 3.181m² đất của anh V đã nhận chuyển nhượng của hộ ông H, bà T thuộc thửa đất số 35, tờ bản đồ tờ bản đồ số 17, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AL 151592 ngày 09/12/2009. Sau khi án có hiệu lực pháp luật, ông V, bà H phải khai thác số cây keo trên để trả lại đất cho hộ ông bà N, anh V.

(Toàn bộ số cây keo tranh chấp trên diện tích đất có sơ đồ kèm theo).

5. Buộc ông Mai Hồng Q phải chấm dứt hành vi cản trở pháp luật đối với quyền sở hữu tài sản của ông V, bà H, đồng thời phải bồi thường thiệt hại 54 cây keo khoảng 09 năm tuổi cho hộ ông Tống Văn V, bà Nguyễn Thị Thanh H với số tiền 3.989.000đ.

6. Về chi phí tố tụng:

- Chi phí định giá tại cấp sơ thẩm: Ông Mai Hồng Q phải chịu 3.000.000đ; Bà Nguyễn Thị Thanh H, ông Tống Văn V phải chịu 1.500.000đ. Số tiền này ông Q đã nộp xong, bà H, ông V phải hoàn lại cho ông Q 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng).

- Bà Nguyễn Thị T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ở cấp phúc thẩm là 8.500.000đ (tám triệu năm trăm ngàn đồng). Bà T đã nộp đủ.

7. Về án phí:

7.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Tống Văn V phải chịu 1.856.000đ nhưng được trừ 1.375.500đ đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 05256 ngày 05/01/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V. Ông V, bà H còn phải nộp 480.500đ (Bốn trăm tám mươi ngàn năm trăm đồng).

- Ông Mai Hồng Q phải chịu 1.138.000đ (Một triệu một trăm ba mươi tám ngàn đồng).

- Anh Bùi Tấn V phải chịu 1.298.000đ nhưng được trừ 649.000đ đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0006842 ngày 04/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V. Anh V còn phải nộp thêm 649.000đ.

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H 100.000đ (Một trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 05269 ngày 01/4/2015 của Chi cục thi hành án huyện V.

7.2 Án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Mai Hồng Q phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0006876 ngày 11/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

- Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0006877 ngày 11/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

8. Kể từ khi người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì người có nghĩa vụ còn phải chịu một khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

9. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

10. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

11. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Cơ quan THADS huyện V;
- TAND huyện V
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nghĩa

